

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 23/02/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PVD1+BK16+CTK3	7:25	21+1+0	0+0+0		17+1+0	0+0+0	chuyen 4 bk16- ctk3
2		P3+CLO+P5+TD1	7:25	13+0+5+0	0+0+0+0		0+1+4+12	0+0+0+0	chuyen 2 pax do-p5 chuyen 1 clo-td1
3		TD5+TD2+P10	9:25	9+2+8	0+0+0		0+3+0	0+0+0	
4		RCDM+PVD1+MRM	9:25	1+2+14	0+0+0		1+5+16	0+0+0	chuyen 1 pvd1- mrm

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/ I người tđl về đi PVD1 chuyển sau, 2 người p9 về qua TD2

FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/02/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: PVD1 - BK16 - CTK3	CREW: Nam - NPhú - Cường - THỤ	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGÔ SỸ THUẬN	PVD1	03	1	5		66	PVD DD	Vietnamese
2	CHU VĂN TƯỚC	PVD1	48-49	2	12		71	INTL.SOS	Vietnamese
3	NGÔ THANH ĐOÀN	PVD1	35	1	5		52	PVD	Vietnamese
4	TRẦN TUẤN NGHĨA	PVD1	40	1	7		60	PVD	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH TUẤN	PVD1	09,33	2	15		75	PVD	Vietnamese
6	LÊ NGỌC THỦ	PVD1	36-37	2	12		75	PVD	Vietnamese
7	BUI MINH TUẤN	PVD1	07	1	9		74	PVD	Vietnamese
8	PHAN VĂN MẠNH	PVD1	42	1	5		60	PVD	Vietnamese
9	HOÀNG MY TÙNG	PVD1	06	1	7		80	PVD	Vietnamese
10	ĐỖ ANH TUẤN	PVD1	41	1	7		74	PVD	Vietnamese
11	HOÀN VĂN MẠO	PVD1	302	1	5		65	PVD	Vietnamese
12	NGÔ BA HOÀNG	PVD1	34	1	9		65	PVD	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT THẮNG	PVD1	05	1	5		60	PVD	Vietnamese
14	NGUYỄN TIẾN TRUNG	PVD1	39	1	7		60	PVD	Vietnamese
15	VÕ HÙNG SƠN	PVD1	04	1	10		78	PVD	Vietnamese
16	ĐÀO XUÂN KHIÊM	PVD1	08	1	5		50	PVD	Vietnamese
17	VÕ VĂN ĐỊNH	PVD1	02	1	7		76	PVD	Vietnamese
18	TRẦN VĂN ĐỨC	PVD1	38	1	6		70	PVD	Vietnamese
19	NGUYỄN QUỐC TỊNH	PVD1	43	1	7		77	PSV	Vietnamese
20	ĐÀO VĂN TIẾN	PVD1	44-45	2	12		60	PSV	Vietnamese
21	LÊ THANH HẢI	PVD1	46-47	2	11		66	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN THẠO	BK16	91	1	7		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

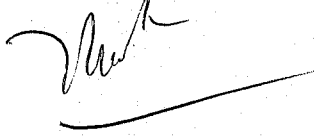
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	21	26	168	1.414	0	17		CHUYEN 4 PAX TU BK16 SANG CTK3
2	BK16	1	1	7	75	0	174		
3	CTK3	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	27	175	1.489	0	18		
WEIGHT KG				175	1.489	0			

GRAND TOAL: 1.664 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/02/2022	TO: P3 - CLO - P5 - TD1	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: CHIẾN - HU'NG - N'Nam	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VAN SON	P3	47-48	2	16		58	DUY LINH	Vietnamese
2	HUYNH THANH HUU	P3	44	1	13		65	DUY LINH	Vietnamese
3	NGUYEN SON LONG	P3	36	1	15		60	DUY LINH	Vietnamese
4	VAN NGOC TAM	P3	29-30	2	12		65	DUY LINH	Vietnamese
5	VU VAN THANH	P3	42-43	2	14		60	DUY LINH	Vietnamese
6	LE CONG HOANG	P3	38-39	2	12		68	DUY LINH	Vietnamese
7	NGUYEN QUANG HA	P3	40	1	15		63	DUY LINH	Vietnamese
8	NGUYEN TRUNG HIEU	P3	45-46	2	18		72	DUY LINH	Vietnamese
9	NGUYEN TAN LOI	P3	37	1	10		68	DUY LINH	Vietnamese
10	NGUYEN ANH DAO	P3	31	1	15		77	DUY LINH	Vietnamese
11	LE HUU LOC	P3	33-34	2	12		60	DUY LINH	Vietnamese
12	LE THANH	P3	32	1	5		60	DUY LINH	Vietnamese
13	NGUYEN VAN CUONG	P3	35	1	10		55	DUY LINH	Vietnamese
14	NGUYEN VAN NGOC	P5	82	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
15	LUONG VAN THANH	P5	83	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN CAO MANH	P5	85	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
17	TONG XUAN SINH	P5	84	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
18	DOAN DINH PHAC	P5	81	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	13	19	167	831	0	0		CHUYEN 02 PAX CLO-P5 CHUYEN 01 PAX CLO-TD1
2	CLO	0	0	0	0	40	1+3		
3	P5	5	5	25	338	0	4		
4	TD1	0	0	0	0	0	12		
TOTAL		18	24	192	1.169	40	17		
WEIGHT KG				192	1.169	40			

GRAND TOAL: 1.401 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/02/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 3	TO: TD5 - TD2 - P10	CREW: Nam - NPhú - Thành - THỤ	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VAN TUYEN	TD5	04	1	10	20	70	SHINTRAC	Vietnamese
2	NGUYEN CANH CHUNG	TD5	20	1	9		65	SHINTRAC	Vietnamese
3	PHAN VAN ĐANG	TD5	05	1	8		55	SHINTRAC	Vietnamese
4	HOANG VAN THANH	TD5	06	1	9		61	SHINTRAC	Vietnamese
5	DUONG DANH THIN	TD5	01,07	2	15		60	SHINTRAC	Vietnamese
6	LE HONG HOP	TD5	02	1	5		68	SHINTRAC	Vietnamese
7	BUI VAN THUY	TD5	21	1	10		56	SHINTRAC	Vietnamese
8	TRINH TRONG LUAN	TD5	13	1	10		76	SHINTRAC	Vietnamese
9	HO SY THE	TD5	28	1	10		70	SHINTRAC	Vietnamese
10	VU ANH HIEU	TD2	43-44	2	20	7	55	SCHLUMB	Vietnamese
11	NHAM DUC TUAN	TD2	15-16	2	15		75	DVL	Vietnamese
12	LE TRUONG CHINH	P10	69-70	2	15	12	68	SINHHUNG	Vietnamese
13	VU TRONG TU	P10	68	1	8	20	61	SINHHUNG	Vietnamese
14	BUI VAN HA	P10	67	1	10		68	SINHHUNG	Vietnamese
15	LAI QUOC THIN	P10	76	1	12		70	SINHHUNG	Vietnamese
16	NGUYEN VAN THONG	P10	63-64	2	15		60	SINHHUNG	Vietnamese
17	TRAN VAN THONG	P10	72	1	15		66	SINHHUNG	Vietnamese
18	TRAN PHONG TUNG	P10	71	1	8		74	SINHHUNG	Vietnamese
19	TRAN VAN NGHIA	P10	73-74	2	12		80	SINHHUNG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	9	10	86	581	20	1		CHUYEN 1 PAX TU TD5 SANG TD2
2	TD2	2	4	35	130	7	5		
3	P10	8	11	95	547	32	0		
TOTAL		19	25	216	1.258	59	6		
WEIGHT KG				216	1.258	59			

GRAND TOAL: 1.533 KGS

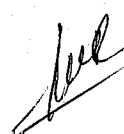
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/02/2022	TO: RCDM - PVD1 - MRM	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:45
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: CHIẾN - HƯNG - NNA	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG TI	RCDM	57	1	5	20	68	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐINH CAO CUONG	PVD1	57	1	8		70	PSV	Vietnamese
3	MESHKOV M.Y.	PVD1	58,55	2	15		80	DVL	Russian
4	NGUYEN HOANG AN	MRM	99	1	12		80	XNKT	Vietnamese
5	POPLEVIN IGOR	MRM	11-12	2	15		100	AMNGR	Russian
6	ZAKIROV ILNAZ	MRM	09-10	2	12		82	AMNGR	Russian
7	ALEKSANDROVICH IVAN	MRM	06	1	13		80	AMNGR	Russian
8	RULEV SEMEN	MRM	13	1	15		112	AMNGR	Russian
9	KABOV EVGENII	MRM	07-08	2	20		100	AMNGR	Russian
10	SHLYK VLADIMIR	MRM	14	1	12		94	AMNGR	Russian
11	SACHOK VALERII	MRM	05	1	15		80	AMNGR	Russian
12	HOANG VAN THU	MRM	02	1	7		68	PETROSEC	Vietnamese
13	LE THANH TU	MRM	01	1	10		72	DVL	Vietnamese
14	PHAN NGOC TIEN	MRM	200,03	2	15		60	DVL	Vietnamese
15	NGUYEN SY TUAN	MRM	64	1	10		70	DVL	Vietnamese
16	NGUYEN HUU HA	MRM	65-66	2	18		73	DVL	Vietnamese
17	LAI ANH TUAN	MRM	97-98,04	3	20		105	XNKT	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	1	1	5	68	20	1		CHUYEN 1 PAX PVD1 SANG MRM
2	PVD1	2	3	23	150	0	5		
3	MRM	14	21	194	1.176	19	16		
TOTAL		17	25	222	1.394	39	22		
WEIGHT KG				222	1.394	39			

GRAND TOAL: 1.655 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN




LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 25/02/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		GTCL+VSP01+P10+P9	7:25	4+1+5+9	0+0+0+0		0+0+4+8	0+0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/02/2022	TO: GTC1 - VSP01 - P10 - P9	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: VThắng - XTrường - Toan	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU NGOC TU	GTC1	95	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAM THE QUANG	GTC1	94	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
3	DO MINH HOANG	GTC1	96	1	15		75	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN QUANG VU	GTC1	93	1	15		76	KH-THAC	Vietnamese
5	TRUONG HUU PHUOC	VSP01	66-67	2	17		62	YTE	Vietnamese
6	HO NGOC THANH	P10	81-82	2	12	60	57	PSV	Vietnamese
7	TRAN VIET LY	P10	80	1	5		78	PSV	Vietnamese
8	TRAN VAN MINH	P10	78	1	6		85	PSV	Vietnamese
9	PHAN THANH NAM	P10	79	1	12		76	PSV	Vietnamese
10	DAO VAN DUNG	P10	83	1	4		70	PSV	Vietnamese
11	NGUYEN NGOC MINH	P9	57	1	5	60	55	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN VAN CHIEU	P9	58	1	5		65	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN VAN HIEU	P9	59	1	5		50	PSV	Vietnamese
14	NGO TRI HOANG	P9	56	1	10		70	DVL	Vietnamese
15	CAO KINH THAO	P9	55	1	12		71	T-TIN	Vietnamese
16	LE NGOC TAN	P9	54	1	12	30	64	T-TIN	Vietnamese
17	NGUYEN HAI TRUNG	P9	69	1	14		55	PSV	Vietnamese
18	BUI VAN THUAN	P9	60	1	5		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	GTC1	4	4	52	296	0	0		THAO I GHE DOI DE CHO HANG
2	VSP01	1	2	17	62	0	0		
3	P10	5	6	39	366	60	4		
4	P9	8	8	68	505	90	8		
TOTAL		18	20	176	1.229	150	12		
WEIGHT KG				176	1.229	150			

GRAND TOAL: 1.555 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN